

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/HS-ST

Ngày 30 - 11 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Túy

Ông Đặng Ngọc Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Văn B, sinh ngày 08/9/1981, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn Tr, xã S, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: ông Phạm Văn Đ1, đã chết và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; có vợ đã ly hôn và 01 con sinh năm 2005; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 115/2015/HSST ngày 18/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”, theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong án phạt tù ngày 04/3/2021; nhân thân: Bản án số 07/2008/HSST ngày 23/01/2008, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong bản án ngày 26/01/2008. Quyết định số 1606/QĐ-CT ngày 03/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Th, tỉnh Thái Bình về việc áp dụng biện pháp đưa vào trung

tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội thời gian 12 tháng, chấp hành xong quyết định ngày 26/5/2014; bị tạm giữ từ ngày 30/8/2022 đến ngày 02/9/2022 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (có mặt).

Người chứng kiến:

1. Ông Bùi Quý B1, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ X1, thị trấn C, huyện Qu, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

2. Anh Đỗ Quốc T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ X2, thị trấn C, huyện Qu, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 10 giờ 15 phút ngày 30/8/2022, tại đường tổ X3 thị trấn C, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, tổ công tác của Công an huyện Quỳnh Phụ phối hợp với Công an thị trấn C phát hiện Phạm Văn B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Danic, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 17ZZ1-AA1A1A2 có biểu hiện liên quan đến ma túy nên đã dừng xe yêu cầu về trụ sở Công an thị trấn làm việc. Tại đây, tổ công tác kiểm tra người Phạm Văn B không phát hiện gì; kiểm tra xe mô tô biển kiểm soát 17ZZ1-AA1A1A2 phát hiện tại chân gương chiếu hậu bên trái 01 gói nhỏ có vỏ ngoài là giấy trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục; B khai đó là gói Heroine để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong gói vật chứng và quản lý xe mô tô.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn B không phát hiện, thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 330/KL-KTHS(MT) ngày 31/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “*Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 0,2462 gam (không thấy hai nghìn bốn trăm sáu mươi hai gam). Heroine STT:09 Danh mục IA, Phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ*”.

Bản cáo trạng số 113/CT-VKSQP ngày 14/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Văn B về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo tù 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2022; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng : Bị cáo hối hận về hành vi của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa bị cáo khai, do nghiện ma túy nên khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/8/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Danic, màu sẫm đỏ đen, biển kiểm soát 17ZZ1-AA1A1A2, từ nhà tới thị trấn C, huyện Qu, tìm mua ma túy sử dụng. Đến đường thuộc tổ X3, thị trấn Quỳnh Côi, bị cáo dò hỏi mua của một người đàn ông khoảng 45 tuổi (không biết tên, địa chỉ) 01 gói ma túy có vỏ ngoài là

giấy trắng với số tiền 200.000 đồng. Bị cáo giấu gói ma túy ở chân gương chiếu hậu bên trái xe mô tô rồi điều khiển xe đi tìm chỗ vắng để sử dụng thì bị phát hiện. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ: Biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản quản lý, niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập cùng ngày 30/8/2022; biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến; bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ 15 phút ngày 30/8/2022, tại đường tổ X3, thị trấn C, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, Phạm Văn B có hành vi cất giấu trái phép ở chân gương chiếu hậu bên trái xe mô tô nhãn hiệu Danic, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 17ZZ1-AA1A1A2 bị cáo đang điều khiển 01 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,2462 gam, mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố và kết luận bị cáo Phạm Văn B phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý

của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu về nhiều mặt đời sống kinh tế cũng như đạo đức xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo hiểu được tác hại của ma túy và biết rõ pháp luật nghiêm cấm hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện, vì vậy bị cáo phải chịu mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai báo trung thực toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Năm 2008 bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản với mức án 03 tháng tù; năm 2013 bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đã phân tích trên, thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo tàng trữ ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân, bị cáo lao động tự do thu nhập không ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo, do đó cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng: Số ma túy cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo được giám định kết luận là ma túy, loại heroine và hoàn trả mẫu vật sau giám định. Xét thấy đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành, do đó cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Phạm Văn B **02 (hai)** năm **03 (ba)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 8 năm 2022.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,2105 gam (*không thấy hai nghìn một trăm linh năm gam*) mẫu gửi giám định và toàn bộ bao gói quản lý của Phạm Văn B trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 330/KL-KTHS(MT) của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thái Bình.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 14/11/2022.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn B phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS CA huyện Quỳnh Phụ;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Nhà tạm giữ CA huyện Quỳnh Phụ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã S, huyện Đ;;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Liên